

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Bản án số: 53/2024/DS-ST

Ngày 26/8/2024

V/v: "Tranh chấp đòi lại tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Tinh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hoa

2. Ông Lê Ngọc Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thúy – Thư ký Tòa án

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Lâm – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 193/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-DS ngày 16/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2024/QĐST-DS ngày 06/8/2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông Lâm Minh T, sinh năm: 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Lê Văn L, sinh năm: 1974, địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (ông L có mặt)

Bị đơn: Ông: Trần Văn H, sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, khu phố B, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2023, bản tự khai ngày 07/6/2024 và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày như sau:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bị đơn là ông Trần Văn H hoàn trả số tiền 200.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Về căn cứ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn trình bày như sau:

Ông **Lâm Minh T** với ông **Trần Văn H** quen biết và có làm ăn chung nhau, trước đây có hợp tác làm chung nhiều lần, hai người cũng đã yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp với nhau một vụ án trước đó nhưng không liên quan đến món nợ 200.000.000đ này.

Sau khi hai người chấm dứt làm ăn chung thì ông **Trần Văn H** còn nợ lại ông **Lâm Minh T** số tiền 900.000.000 đồng, ông **H** đã trả cho ông **T** được số tiền 700.000.000 đồng, còn số tiền là 200.000.000 đồng ông **Trần Văn H** phải trả cho ông **Lâm Minh T** nhưng ông **H** không trả cho ông **T** đúng như thỏa thuận nên hai người đã tổng kết lại số tiền ông **H** còn nợ lại ông **T** số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Do vậy, nên ngày 07/01/2024, ông **Trần Văn H** đã viết "Giấy xác nhận" bằng giấy viết tay do chính ông **Trần Văn H** viết có nội dung "*Tôi còn nợ lại ông **Lâm Minh T**, sinh năm: 1992, hộ khẩu thường trú **B, C, Bà Rịa - Vũng Tàu**, số tiền 200.000.000đ, tôi xin cam đoan ngày 07/5/2024 sẽ trả toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng, nếu không trả sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật*". Giấy do chính ông **H** viết và đưa cho ông **T** giữ. Ông **T** và đại diện của ông **T** xác định đây không phải là tiền cho vay mà do làm ăn chung rồi tính toán lại món nợ với số tiền 200.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đến ngày 07/5/2024 thì không thấy ông **H** trả tiền nên ông **T** liên hệ với ông **H** để giải quyết trả lại số tiền cho mình, nhưng ông **H** cố tình tránh né không giải quyết trả dứt điểm trả cho ông **T**.

Vì vậy, ông **T** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giải quyết: Buộc ông **Trần Văn H** phải trả lại số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn) cho ông **Lâm Minh T**, không yêu cầu lãi suất

*Bị đơn là ông **Trần Văn H** đã được Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập tham gia các phiên hòa giải, 02 lần tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và không có bản khai gửi Tòa án.*

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án về cơ bản là đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng đầy đủ là chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn đã nhận các Văn bản tố tụng của Tòa án, và giấy triệu tập của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa 02 lần và không có bản tự khai gửi Tòa án là chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bị đơn là ông **Trần Văn H** mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “*Tranh đòi tài sản*” giữa ông **Lâm Minh T** và ông **Trần Văn H** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức quy định tại Điều 26 và Điều 35, điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu tranh chấp đòi lại tài sản giữa nguyên đơn là ông **Lâm Minh T** với ông **Trần Văn H**

Qua lời khai của các đương sự trong vụ án và những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp khi khởi kiện và ý kiến nguyên đơn có căn cứ cho thấy: Ông **Lâm Minh T** với ông **Trần Văn H** quen biết và có làm ăn chung nhau, trước đây có hợp tác làm chung nhiều lần, hai người cũng đã yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp với nhau một vụ án trước đó nhưng không liên quan đến món nợ 200.000.000đ, theo giấy viết tay ngày 07/01/2024 này. Sau khi hai người chấm dứt làm ăn chung thì ông **Trần Văn H** phải có nghĩa vụ trả cho ông **Lâm Minh T** số tiền 900.000.000 đồng, ông **H** đã trả được số tiền 700.000.000 đồng, còn số tiền là 200.000.000 đồng ông **Trần Văn H** phải trả cho ông **Lâm Minh T** nhưng ông **H** không trả cho ông **T** đúng như thỏa thuận nên hai người đã tổng kết lại số tiền ông **H** còn nợ lại ông **T** số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Do bị đơn vắng mặt tại Tòa án nên Tòa án căn cứ vào những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã được thẩm tra tại Tòa án làm căn cứ giải quyết vụ án.

Xét ý kiến nguyên đơn cho thấy, ngày 07/01/2024, ông **Trần Văn H** đã viết nội dung bằng giấy viết tay do chính ông **Trần Văn H** viết có nội dung "*Tôi còn nợ lại ông **Lâm Minh T**, sinh năm: 1992, hộ khẩu thường trú **B, C, Bà Rịa - Vũng Tàu**, số tiền 200.000.000đ, tôi xin cam đoan ngày 07/5/2024 sẽ trả toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng, nếu không trả sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật*", giấy do chính ông **H** viết và đưa cho ông **T** giữ.

Đến ngày 07/5/2024 thì không thấy ông H trả tiền nên ông T liên hệ với ông H để giải quyết trả lại số tiền cho mình, nhưng ông H cố tình tránh né không giải quyết trả dứt điểm trả cho ông T. Vì vậy ông H đã vi phạm cam kết với ông T nên buộc ông Trần Văn H trả cho ông Lâm Minh T số tiền 200.000.000đ là phù hợp với Điều 351, 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng các điều 24, 27 của Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng;

H1 lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 351, 352, 353 và 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Minh T đối với bị đơn là ông Trần Văn H về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Buộc ông Trần Văn H phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Lâm Minh T số tiền 200.000.000đ đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải chịu thêm khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Văn H phải nộp phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho Lâm Minh T số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003258 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THADS huyện Châu Đức;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Tỉnh